

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 1080, tổ 2, khóm 1, Phường xx, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thu C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh V, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh V và chị Trần Thị Thu C chung sống với nhau năm 2020 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, đã sống xa nhau từ tháng

7/2021 đến nay. Thời gian sống xa nhau vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Thu C là vợ chồng.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thu C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị C thống nhất chung sống như vợ chồng với anh V từ năm 2020 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn là đúng. Vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh V.

- *Về con chung*: Không có.
- *Về tài sản chung*: Không có.
- *Về nợ chung*: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Văn V (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị Thu C hiện đang cư trú tại xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V và bị đơn chị Trần Thị Thu C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn: Anh V và chị C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2020, vợ chồng không có đăng ký kết hôn và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của anh V và chị C đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*...”. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Thu C.

- Về con chung: Anh V và chị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Anh V và chị C thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh V và chị C trình bày trong quá trình sống chung anh V và chị C không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Thu C.

- Về con chung: Anh V và chị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007430 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- UBND xã M, huyện Cao Lãnh;
- Lưu: HSPA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc